

Số: 10 /2017/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 17 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đo đạc, bản đồ
và viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính
phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;*

*Căn cứ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy
văn, đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Quyết định 83/2000/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000 của Thủ
tướng Chính phủ về việc sử dụng Hệ Quy chiếu và Hệ Tọa độ quốc gia Việt
Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của
Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-
2000;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Thủ
tướng Chính phủ về danh mục bí mật Nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực Tài
nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày
15/03/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn
quản lý hoạt động xuất bản bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTNMT-BNV-BNG-BQP ngày
13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại
giáo, Bộ Quốc phòng hướng dẫn quản lý công tác đo đạc và bản đồ về địa giới
hành chính và biên giới quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của
Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số
điều của Luật Xuất bản và Nghị định 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm
2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
xuất bản;*

Căn cứ Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 149/TTr-STNMT ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

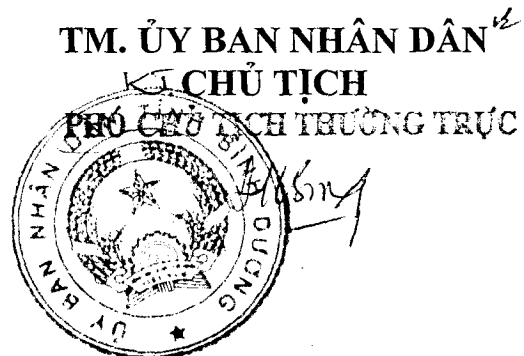
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2017./.

Nơi nhận: ✓

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Website tỉnh Bình Dương;
- Như Điều 2;
- LĐVP (Lg, Th), Thi, Tn, TH;
- Lưu: VT. ✓



Mai Hùng Dũng

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC,
BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2017/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 4.
năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này nhằm thống nhất công tác quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám không quy định tại quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến: hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc và bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định.
2. Hệ quy chiếu là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ. Hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.
3. Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia là hệ thống các tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu. Hệ thống này được xác định thống nhất cho cả nước, mỗi số liệu gốc đo đạc quốc gia được gắn với một điểm có dấu mốc cố định, tồn tại lâu dài trên mặt đất được gọi là điểm gốc đo đạc quốc gia.
4. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là toàn bộ các điểm có dấu mốc cố định trên mặt đất nhằm xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: Tọa độ, độ cao,

độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực.

Hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương, bao gồm: Lưới tọa độ quốc gia, lưới độ cao quốc gia, hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia và hệ thống trọng lực quốc gia.

Hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

5. Hệ thống không ảnh là tập hợp dữ liệu ảnh chụp, dữ liệu quét laser địa hình bề mặt trái đất từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm: Hệ thống không ảnh cơ bản và hệ thống không ảnh chuyên dụng.

6. Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia là hệ thống bản đồ địa hình được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phủ trùm cả nước hoặc vùng lãnh thổ trên cả đất liền, hải đảo và đáy biển ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

7. Dữ liệu không gian địa lý là tập hợp có tổ chức thông tin về vị trí không gian và thuộc tính của các đối tượng địa lý.

8. Cơ sở dữ liệu địa lý là tập hợp có cấu trúc các dữ liệu địa lý. Cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia là cơ sở dữ liệu địa lý được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

9. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý là hoạt động bổ sung, chỉnh lý những biến động của dữ liệu địa lý theo đối tượng thực thể cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

10. Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia là một hệ thống bao gồm dữ liệu không gian địa lý, chính sách, tiêu chuẩn, nguồn nhân lực và các công cụ cần thiết để kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu không gian địa lý một cách hiệu quả và linh hoạt.

11. Hiện chỉnh bản đồ là việc làm mới lại nội dung bản đồ cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

12. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm:

a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, địa động lực, độ cao, độ sâu, gọi chung là trạm quan trắc cố định;

b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;

c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc, gọi chung là các cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc;

d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở, gọi chung là dấu mốc đo đạc.

13. Sản phẩm đo đạc và bản đồ là kết quả của các hoạt động đo đạc và bản đồ.

14. Dữ liệu viễn thám là các dữ liệu ảnh thu nhận từ vệ tinh viễn thám.

15. Cơ sở dữ liệu viễn thám là tập hợp các dữ liệu viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các vật mang tin gồm các loại ô cứng, băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

1. Hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám phải bảo đảm cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định pháp luật.

3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ do địa phương thực hiện tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng được cập nhật kịp thời để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia, bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu địa lý tỉnh Bình Dương.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám và thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

6. Nghiêm cấm sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám không có nguồn gốc hợp pháp, sản phẩm do các tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ trái phép vào công tác quản lý nhà nước và các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Bình Dương dưới mọi hình thức.

Điều 5. Hệ quy chiếu, hệ tọa độ

Các hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại Khoản 2, 4, 7 và 8 Điều 7 của quy định này phải thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực tỉnh Bình Dương, có các tham số chính như sau:

1. Ê-líp-xô-ít quy chiếu quốc gia là ê-líp-xô-ít WGS-84 toàn cầu với kích thước:

- Bán trục lớn: $a = 6.378.137,000$ m;
- Độ dẹt: $f = 1: 298,257223563$;
- Tốc độ góc quay quanh trục: $\omega = 7292115,0 \times 10^{-11}$ rad/s;
- Hằng số trọng trường trái đất: $GM = 3986005.10^8 \text{m}^3 \text{s}^{-2}$

2. Vị trí ê-líp-xô-ít quy chiếu Quốc gia: ê-líp-xô-ít WGS-84 toàn cầu được xác định vị trí (định vị) phù hợp với lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở sử dụng điểm GPS cạnh dài có độ cao thủy chuẩn phân bố đều trên toàn lãnh thổ.

3. Điểm gốc hệ tọa độ Quốc gia: Điểm N00 đặt tại Viện Nghiên cứu Địa chính (nay là Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ) thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, đường Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

4. Hệ tọa độ phẳng: Hệ tọa độ phẳng UTM quốc tế, được thiết lập trên cơ sở lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc.

5. Điểm gốc hệ độ cao Quốc gia: Điểm gốc độ cao đặt tại Hòn Dấu - Hải Phòng.

6. Kinh tuyến trục của tỉnh Bình Dương: $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

Điều 6. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, hoạt động viễn thám phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, hoạt động viễn thám phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 7. Nội dung quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định và trình Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Quản lý việc xây dựng, khôi phục, duy tu, sử dụng và khai thác các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

3. Quản lý việc lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ.

4. Quản lý việc thành lập, xuất bản và phát hành xuất bản phẩm bản đồ.

5. Thanh, kiểm tra hoạt động đo đạc và bản đồ.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, công dân về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho nhu cầu quản lý của địa phương bao gồm:

a) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo phân cấp, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện;

b) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

- c) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;
- d) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính;
- đ) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;
- e) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng;
- g) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- h) Cắm mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và mốc giới các công trình khác theo quy định của Nhà nước.

8. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên dụng phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về viễn thám

1. Xây dựng kế hoạch khai thác, mua, trao đổi sử dụng dữ liệu viễn thám.
2. Quản lý việc lưu trữ, cập nhật dữ liệu viễn thám.

Chương III

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 9. Quy định chung về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2015/NĐ-CP) phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp và chỉ được thực hiện những nội dung công việc theo giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức không thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

3. Thời hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ là 60 tháng. Khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn, nếu tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ có nhu cầu gia hạn thì đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam gia hạn; mỗi giấy phép được gia hạn một (01) lần, thời gian gia hạn không quá 36 tháng. Việc gia hạn giấy phép được thực hiện theo quy định tại điều 14 Nghị định 45/2015/NĐ-CP.

4. Trong quá trình hoạt động đo đạc và bản đồ, nếu tổ chức có nhu cầu và có đủ điều kiện mở rộng lĩnh vực hoạt động thì được cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

5. Trường hợp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bị mất hoặc bị rách nát, hư hỏng không sử dụng được thì tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam theo quy định tại Điều 15 Nghị định 45/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Danh mục, điều kiện, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, mẫu hồ sơ thực hiện cấp mới, cấp bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Danh mục hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; điều kiện được cấp giấy phép; trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Không được cho mượn, cho thuê giấy phép.

4. Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường khi thay đổi kỹ thuật trường hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

5. Các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, khi ngừng hoạt động hoặc giấy phép hết thời hạn mà không gia hạn hoạt động tiếp phải nộp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để đảm bảo việc sử dụng giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đúng theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 12. Cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc

1. Sở Tài nguyên và Môi trường;

a) Trực tiếp quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở quốc gia;

b) Tham gia công tác khôi phục, duy tu và bảo trì hệ thống dấu mốc đo đạc cơ sở quốc gia tại địa phương;

c) Xây dựng và quản lý hệ thống dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng.

2. Các Sở, ban, ngành ở địa phương phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng thuộc chuyên ngành của mình.

Điều 13. Nội dung quản lý công trình xây dựng đo đạc

1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc quản lý khai thác, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

2. Khôi phục, duy tu, bảo trì và phát triển hệ thống công trình xây dựng đo đạc.

3. Cung cấp các thông tin, dữ liệu, số liệu có liên quan đến công trình xây dựng đo đạc cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu.

4. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ và sử dụng công trình xây dựng đo đạc.

5. Thống kê, đánh giá, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc; trách nhiệm của chủ sử dụng và chủ sở hữu công trình nơi có công trình xây dựng đo đạc được quy định cụ thể tại Điều 6, 7, 8 Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc

Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng công trình xây dựng đo đạc liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để được chỉ dẫn, trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ công trình, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình xây dựng đo đạc phải bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc trong quá trình sử dụng đất và công trình. Trường hợp cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc thì phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ công trình xây dựng đo đạc thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết. Việc di dời hoặc hủy bỏ công trình xây dựng đo đạc chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc. Trình tự và thời gian thực hiện cho phép di dời hoặc hủy bỏ công trình xây dựng đo đạc thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT.

Chương V

QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG THÔNG TIN TƯ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 15. Hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ lưu trữ tại địa phương

1. Thông tin, dữ liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia.

2. Cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý tỷ lệ 1/2000, bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000.

3. Dữ liệu địa danh sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành bao gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

b) Thông tin, dữ liệu về hệ thống không ảnh chuyên dụng;

c) Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ quản lý đất đai khác;

d) Cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành;

đ) Át-lát địa lý, bản đồ chuyên đề, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên dụng khác.

5. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác do địa phương thực hiện.

6. Dữ liệu đo đạc và bản đồ khác do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

Điều 16. Quy định về độ mật của thông tin trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật gồm:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm: Tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu;

b) Phim, ảnh hàng không bao gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định tọa độ tâm ảnh có số lượng tờ liên kết bằng diện tích lớn hơn 200 km² ở thực địa;

c) Bản đồ địa hình dạng giấy, dạng số và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, có diện tích liên kết lớn hơn 200 km²;

d) Tài liệu đo đạc bản đồ của khu vực, mục tiêu, đối tượng trong diện bảo mật.

2. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

Điều 17. Yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà

nước, về sở hữu trí tuệ, về lưu trữ và theo các quy định của pháp luật có liên quan khác.

2. Chỉ được cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ dưới dạng bản sao hoặc phiên bản.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp chỉ được sử dụng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp, không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

Điều 18. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 15 quy định này và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

Điều 19. Giao nộp, trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại Khoản 4, Điều 15 quy định này, giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác thực hiện từ ngân sách địa phương, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện, giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành đồng thời đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản sao các sản phẩm gồm:

a) Thành quả tọa độ, độ cao, ghi chú điểm, biên bản bàn giao dấu mốc tại thực địa của các điểm tọa độ và độ cao từ hạng IV trở lên;

b) Dữ liệu bản đồ địa hình các tỉ lệ khu vực đo vẽ có diện tích từ 1,25 km² trở lên;

c) Dữ liệu thành quả đo vẽ mặt cắt sông, hồ.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương, sau khi hoàn thành dự án có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương một (01) bản sao dữ liệu sản phẩm cuối cùng.

4. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được quy định tại Điều 6 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 20. Thủ tục cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ tại địa phương

1. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt.

2. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

4. Trình tự cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ không thuộc Khoản 1, 2, 3 điều này quy định tại Khoản 5, Điều 10, Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 21. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Được khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

2. Không được mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc loại Tối mật, loại Mật, loại không xuất bản trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cho phép.

3. Phải nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 22. Quyền sở hữu thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

2. Quyền tác giả đối với bản đồ thực hiện theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền được sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ XUẤT BẢN SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 23. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định của pháp luật; sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng.

Điều 24. Quản lý việc xuất bản sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Xuất bản các thể loại bản đồ.

a) Tổ chức, cá nhân và cơ quan được liên kết với nhà xuất bản để xuất bản các thể loại sản phẩm bản đồ và được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định tại Luật xuất bản trừ các sản phẩm sau:

- Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia cho phần đất liền và vùng biển Việt Nam;

- Hệ thống bản đồ nền;

- Bản đồ hành chính Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bản đồ hành chính cấp tỉnh;

- Bản đồ hành chính thế giới, châu lục, khu vực và từng nước trên thế giới;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất toàn quốc, vùng;

- Atlas Quốc gia, atlas địa lý tổng hợp toàn quốc, vùng;

- Nền cơ sở địa lý của hệ thống thông tin địa lý quốc gia.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu xuất bản bản đồ cần liên hệ với nhà xuất bản có tôn chỉ mục đích, chức năng nhiệm vụ xuất bản thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp để thực hiện xuất bản; trình tự và thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật về xuất bản hiện hành;

c) Trường hợp xuất bản sản phẩm bản đồ là tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện qua nhà xuất bản thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép xuất bản;

d) Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản sản phẩm bản đồ là tài liệu không kinh doanh quy định tại Khoản 3, Mục II, Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15 tháng 3 năm 2006 của liên bộ Tài nguyên Môi trường – Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn quản lý hoạt động xuất bản bản đồ.

đ) Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép xuất bản phải nộp hai bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh và một bản cho Bộ Thông tin và

Truyền thông; trường hợp số lượng in dưới 300 (ba trăm) bản thì nộp một bản Ủy ban nhân dân tỉnh, một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sản phẩm bản đồ xin xuất bản phải đạt các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật thể hiện nội dung và bảo đảm điều kiện quy định tại mục 4, phần II Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa - Thông tin về hướng dẫn quản lý hoạt động xuất bản bản đồ.

3. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm bản đồ

Trên các xuất bản phẩm bản đồ phải ghi tỷ lệ, lưới chiếu bản đồ, hệ tọa độ, hệ độ cao, thời gian thành lập bản đồ, thông tin về những tài liệu chính đã sử dụng để thành lập bản đồ và những thông tin theo quy định như sau:

a) Tên xuất bản phẩm bản đồ, tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản; tên tổ chức, cá nhân liên kết xuất bản (nếu có);

b) Số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; số lượng in, tên và địa chỉ cơ sở in;

c) Đối với xuất bản phẩm bản đồ kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với xuất bản phẩm do Nhà nước đặt hàng phải ghi là “xuất bản phẩm Nhà nước đặt hàng”; đối với xuất bản phẩm bản đồ không kinh doanh phải ghi là “không bán”.

4. Xuất bản phẩm bản đồ được phát hành hợp pháp và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước khi trao đổi hoặc xuất khẩu ra nước ngoài không phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Xuất bản và phát hành bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương VII

THANH, KIỂM TRA; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 25. Thanh, kiểm tra trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Nội dung thanh tra đo đạc và bản đồ:

a) Thanh tra việc chấp hành các văn bản pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thanh tra về đo đạc và bản đồ theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo; kiến nghị với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở; Chánh Thanh tra Sở; quyền của Trưởng đoàn thanh tra; thành viên Đoàn thanh tra; đối tượng thanh tra, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra và các nội dung liên quan đến công tác thanh, kiểm tra

được quy định cụ thể tại Luật thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Xử lý vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

a) Vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gồm các hành vi: không thực hiện quy định báo cáo khi có sự thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc người phụ trách kỹ thuật chính; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; không làm thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thay đổi tên của tổ chức; không duy trì các điều kiện theo quy định để được cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong quá trình hoạt động của tổ chức; hoạt động không đúng với nội dung của Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có thời hạn; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ và sử dụng các công trình xây dựng đo đạc, gồm các hành vi: sử dụng các công trình xây dựng đo đạc mà không báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình hoặc chủ quản lý công trình nơi có điểm đo đạc cơ sở không thực hiện đúng trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, làm mất khả năng sử dụng của dấu mốc đo đạc cơ sở; dịch chuyển, xâm hại, phá hủy công trình xây dựng đo đạc;

c) Hành vi giả mạo số liệu đo đạc;

d) Vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, bao gồm các hành vi: không thực hiện việc kiểm định, kiểm nghiệm thiết bị thuộc diện phải kiểm định, kiểm nghiệm trước khi đưa vào sử dụng; kiểm tra kỹ thuật, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ không đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định; làm sai lệch kết quả đánh giá về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; sử dụng phương tiện, thiết bị kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ không đạt yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định;

đ) Hành vi không thực hiện chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định;

e) Hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra; từ chối cung cấp thông tin liên quan đến việc kiểm tra hoạt động đo đạc và bản đồ của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền;

g) Vi phạm quy định về cung cấp, khai thác, sử dụng và trao đổi quốc tế thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ, bao gồm các hành vi: hành vi sử dụng thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ không nêu rõ nguồn gốc hợp pháp theo quy định; một trong các hành vi sản xuất và cung ứng (bao gồm cả hoạt động trao đổi quốc tế, xuất nhập khẩu) các thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ thể hiện không đúng đường biên giới quốc gia, chủ quyền, lãnh thổ, lãnh hải (bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo khác) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền, hình thức và mức độ xử phạt vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương VIII KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 28. Trách nhiệm giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trách nhiệm của cơ quan Quyết định đầu tư

a) Tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, chất lượng hạng mục công trình; thẩm định hồ sơ quyết toán và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ dẫn đến làm tăng giá trị dự toán vượt quá giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng dẫn đến tổng giá trị vượt quá năm phần trăm (5%) so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt hoặc khối lượng phát sinh của từng hạng mục thành phần vượt quá mười phần trăm (10%) so với khối lượng đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài tiến độ thi công công trình so với tiến độ thi công đã được phê duyệt. Đối với các Dự án Chính phủ quyết định đầu tư tuân thủ theo quy chế quản lý Dự án riêng.

2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

a) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ đã có quy định kỹ thuật; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ nhưng không làm tăng giá trị dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng nhưng không làm giá trị vượt quá năm phần trăm (5%) so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt trong đó khối lượng phát sinh của từng hạng mục thành phần không được vượt quá mười phần trăm (10%) so với khối lượng đã được phê duyệt. Đối với các Dự án Chính phủ quyết định đầu tư tuân thủ theo quy chế quản lý Dự án riêng;

c) Báo cáo kịp thời với cơ quan Quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

d) Tổ chức thực hiện việc giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao làm Chủ đầu tư;

đ) Quyết định đình chỉ thi công, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các tiêu chuẩn đã được quy định áp dụng trong các dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định kỹ thuật và báo cáo bằng văn bản đến cơ quan Quyết định đầu tư;

e) Lập báo cáo gửi cơ quan Quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm đã hoàn thành trong năm và khi kết thúc toàn bộ công trình;

g) Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về đo đạc và bản đồ, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm;

h) Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thì được thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra;

Cá nhân thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải đáp ứng về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

3. Trách nhiệm của Đơn vị thi công

a) Thực hiện kiểm tra toàn diện và chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện;

b) Thực hiện thi công đúng dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt, đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của cơ quan Quyết định đầu tư và Chủ đầu tư đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

d) Lập báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi Chủ đầu tư trước ngày 25 hàng tháng;

đ) Trường hợp có thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt phải báo cáo kịp thời với Chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư hoặc cơ quan Quyết định đầu tư. Khối lượng phát sinh chỉ được xem xét thanh quyết toán khi có văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư hoặc cơ quan Quyết định đầu tư.

Điều 29. Trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu

Trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và các văn bản pháp luật về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác có liên quan.

CHƯƠNG IX TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Điều 30. Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.
2. Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng.
3. Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính.
4. Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng.
5. Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
6. Đo đạc bản đồ về địa giới hành chính, thành lập và hiện chỉnh bản đồ hành chính trong phạm vi địa phương.
7. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng.
8. Cắm mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và mốc giới các công trình khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 31. Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

1. Nguyên tắc về việc lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình, Dự án đo đạc và bản đồ:

a) Các công trình, Dự án đo đạc và bản đồ phải lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện;

b) Chủ đầu tư sử dụng tổ chức trực thuộc hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép để lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình đo đạc và bản đồ;

c) Đối với các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước, việc Dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có đơn giá để áp dụng, Dự toán kinh phí được lập theo định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và phải được Sở Tài chính thẩm định trước khi phê duyệt;

d) Đối với các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước, việc Dự toán kinh phí do Chủ đầu tư quyết định.

2. Căn cứ để lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán:

a) Phạm vi nhiệm vụ của dự án;

b) Các tài liệu trắc địa, bản đồ hiện có, chất lượng tài liệu;

c) Báo cáo khảo sát khu vực dự án về mức độ khó khăn, khả năng sử dụng các tài liệu trắc địa bản đồ hiện có;

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành;

đ) Đơn giá đo đạc, thành lập bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

e) Các văn bản về định mức kinh tế - kỹ thuật và lập dự toán kinh phí về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành.

3. Nội dung Thiết kế kỹ thuật - Dự toán:

a) Sự cần thiết phải đo đạc, thành lập bản đồ;

b) Cơ sở pháp lý, các văn bản sử dụng trong thiết kế và thi công;

c) Mục đích, yêu cầu, phạm vi của dự án;

d) Đặc điểm địa hình, tình hình kinh tế xã hội của địa phương nơi thực hiện dự án;

đ) Hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

e) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật từ tổng thể đến chi tiết cho từng hạng mục;

- g) Kế hoạch thực hiện;
- h) Quy định về công tác kiểm tra nghiệm thu, giao nộp sản phẩm;
- i) Tổng hợp các hạng mục công việc, phân loại khó khăn;
- k) Dự toán kinh phí.

Điều 32. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

1. Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện;

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do mình làm Chủ đầu tư;

- Sở Tài chính chủ trì thẩm định bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để thống nhất áp dụng; thẩm định Dự toán kinh phí các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước khi chưa có đơn giá để áp dụng và các hạng mục công việc chưa có định mức kinh tế kỹ thuật quy định;

- Kết quả thẩm định là căn cứ để phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán và nghiệm thu thanh quyết toán công trình đo đạc và bản đồ theo quy định.

2. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình đo đạc và bản đồ

a) Các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư.

Điều 33. Tổ chức thực hiện dự án đo đạc và bản đồ

1. Căn cứ vào Thiết kế kỹ thuật - Dự toán của dự án đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện và năng lực để tham gia thực hiện dự án đo đạc và bản đồ bằng hình thức đấu thầu, đặt hàng hay giao kế hoạch theo quy định của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức chỉ được phép tham gia thực hiện những công trình đo đạc và bản đồ phù hợp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp.

3. Đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm tổ chức thi công theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt, tuân thủ quy trình, quy

phạm, đảm bảo tiến độ thực hiện và chịu sự giám sát, kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

Chương X

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 34. Chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được lập định kỳ mỗi năm một (01) lần, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu đó.

2. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định này. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 hàng năm;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo quy định này. Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 hàng năm;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố báo cáo hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn theo Phụ lục số 03. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

3. Cơ quan, tổ chức lập và nộp báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo.

Chương XI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 35. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Về đo đạc và bản đồ

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ tại địa phương;

Hàng năm có trách nhiệm phát hành và đăng tải danh mục thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

c) Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các Sở, ban, ngành của địa phương thực hiện;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, thẩm định chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

đ) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ, tổ chức đọc các xuất bản phẩm lưu chiếu và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; ấn phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật xuất bản.

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, công dân về hoạt động đo đạc và bản đồ; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

g) Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng đơn giá về đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh, xây dựng chi phí kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

h) Căn cứ kế hoạch hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện theo phân cấp các dự án đo đạc và bản đồ được xây dựng trên cơ sở các quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật do cấp có thẩm quyền ban hành;

i) Quản lý việc bảo vệ các công trình đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 13 của Quy định này;

k) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

l) Tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền:

- Xây dựng, duy tu, khôi phục mốc tọa độ cơ sở quốc gia theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở địa chính; thành lập hệ thống bản đồ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính;

- Thành lập bản đồ địa hình; xây dựng cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý;

- Tổ chức cắm mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và mốc giới các công trình khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp trên.

m) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ tại địa phương.

2. Về viễn thám

a) Chủ trì tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám của địa phương; đề xuất việc mua, trao đổi dữ liệu viễn thám trong nước và quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Quản lý, lưu trữ, bổ sung, cập nhật, công bố dữ liệu viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám của địa phương để cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Trách nhiệm các Sở, ban, ngành có liên quan

1. Hoạt động đo đạc - bản đồ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ chuyên dụng được giao theo quy định tại Khoản 7, Điều 7 Quy định này;

b) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ chuyên dụng của Bộ, ngành chủ quản, các Sở, ban, ngành chuyên môn khác xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Tổ chức quản lý chặt chẽ dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành mình quản lý;

d) Các cơ quan có nhu cầu đo đạc và bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh phải lập dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định sự cần thiết trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đảm bảo không chồng chéo với các kế hoạch, dự án của các ngành, các đơn vị về đo đạc và bản đồ, trừ các dự án liên quan đến an ninh, quốc phòng;

đ) Báo cáo định kỳ hàng năm hoạt động đo đạc bản đồ chuyên dụng gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ;

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế phối hợp hoặc thành lập hội đồng thẩm định trong quá trình thực hiện các chương trình, đề án, dự án đo đạc và bản đồ được giao.

2. Về viễn thám: Các sở, ban, ngành căn cứ vào nhu cầu sử dụng, hàng năm đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, thành phần có liên quan tổ chức thẩm định bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính các cấp,

kiểm tra hệ thống mốc địa giới hành chính các cấp, thống kê số lượng mốc bị mất, bị xê dịch, hư hỏng, những thay đổi địa giới hành chính, báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ kinh phí để phục vụ cho các hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương; chủ trì thẩm định bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; thẩm định Dự toán kinh phí các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước khi chưa có đơn giá để áp dụng và các hạng mục công việc chưa có định mức kinh tế kỹ thuật quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép xuất bản bản đồ là tài liệu không kinh doanh cho các cơ quan, tổ chức Việt Nam đóng tại địa phương.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trên địa bàn.

3. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc các hành vi xâm hại công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền.

Điều 38. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Bàn giao cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất để trực tiếp bảo vệ và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

2. Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã.

2. Cập nhật các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã, bổ sung phần ghi chú vào sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất.

3. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xê dịch, phá hủy hoặc làm hư hỏng.

4. Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

5. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

Quy định này được triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Khi có các chính sách, pháp luật mới ban hành mà quy định này không còn phù hợp, thì việc thực hiện áp dụng theo các chính sách, pháp luật đó. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

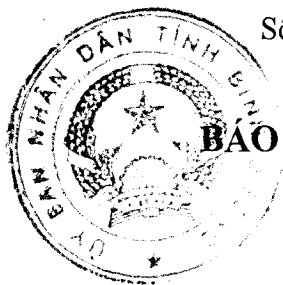
CHỦ TỊCH



Mai Hùng Dũng

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: /BC-....

....., ngày tháng năm....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
Năm

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức:
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Số giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Ngày cấp:
 4. Người chịu trách nhiệm trước pháp luật:
 5. Kỹ thuật trưởng:
- Điện thoại: Fax: Email:

II. Các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện trong năm:

Số TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị (triệu đồng)

II. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ:

TT	Chuyên ngành	Tổng số	Trên đại học	Đại học	Trung cấp	Công nhân kỹ thuật

IV. Năng lực thiết bị:

TT	Tên, nhãn hiệu thiết bị	Số lượng	Tình trạng thiết bị

Thủ trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

....., ngày tháng năm....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC
VÀ BẢN ĐỒ CHUYÊN NGÀNH
Năm...**

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

1. Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ chuyên ngành, các tiêu chuẩn quốc gia được công bố:

TT	Loại văn bản	Tổng số	Số, ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Thông tư của Bộ trưởng				
2	Các tiêu chuẩn quốc gia về đo đạc và bản đồ chuyên ngành được công bố				

2. Tình hình tổ chức triển khai công tác đo đạc và bản đồ

a) Tổng hợp kết quả thực hiện các công trình đo đạc và bản đồ:

TT	Tên công trình	Khối lượng	Nơi lưu trữ sản phẩm
1	2	3	4
1			
2			

b) Đánh giá kết quả đạt được:

c) Những khó khăn và tồn tại:

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, họ tên, đóng dấu)